+ 100% cán bộ quản lý, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo lộ trình.

+ Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

+ Thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục toàn diện.

- Chú trọng công tác sơ kết, tổng kết, đánh giá thường xuyên, định kỳ đảm bảo triển khai thực hiện thành công chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới. Kế thừa kinh nghiệm triển khai thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa tại tỉnh Lào Cai những lần triển khai trước.

- Huy động tối đa nguồn lực của tỉnh và các nguồn lực xã hội hóa cho triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, đồng thời có thể lồng ghép với các chương trình, dự án, đề án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nội dung triển khai:

1.1. Triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo đúng lộ trình được xác định ở tất cả các trường Tiểu học, THCS và THPT. Thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông hiện hành ở các trường Tiểu học, THCS, THPT theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới (đối với những khối lớp chưa triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới).

1.2. Tổ chức dạy học ngoại ngữ đối với các lớp của cấp THCS, cấp THPT căn cứ tình hình thực tế triển khai theo lộ trình; đối với các địa phương chưa triển khai theo lộ trình tiếp tục thực hiện tổ chức dạy học theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông đến hết lớp 12.

1.3. Đối với môn Giáo dục quốc phòng và an ninh, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường THPT.

2. Nhiệm vụ:

2.1. Đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; đổi mới quản trị trong các cơ sở giáo dục và đào tạo:

- Chính quyền các cấp thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về giáo dục. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Rà soát, hoàn thiện quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, tuyển dụng, sử dụng cán bộ, viên chức trong các cơ sở công lập. Tạo cơ chế tuyển chọn cán bộ quản lý, giáo viên giỏi, có chất lượng cao về công tác tại địa phương.

- Đổi mới tư duy, cơ chế, phương thức quản lý giáo dục theo hướng tăng cường phân cấp, tự chủ; nâng cao tính chủ động của mỗi cấp, mỗi cơ sở giáo dục gắn với trách nhiệm của người đứng đầu.

- Tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế, áp dụng phương pháp quản lý giáo dục hiện đại, công nghệ thông tin trong các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục.

2.2. Đảm bảo đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên:

- Rà soát, sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đảm bảo về số lượng, đồng bộ về cơ cấu và đáp ứng căn bản các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới theo lộ trình:

+ Đến năm 2020, dự kiến có 5.715 giáo viên Tiểu học, 3.845 THCS, 1.470 THPT;

+ Đến năm 2021, dự kiến có 5.739 giáo viên Tiểu học, 3.916 THCS, 1.469 THPT;

+ Đến năm 2022, dự kiến có 5.754 giáo viên Tiểu học, 3.978 THCS, 1.464 THPT;

+ Đến năm 2023, dự kiến có 5.772 giáo viên Tiểu học, 4.052 THCS, 1.459 THPT;

+ Đến năm 2024, dự kiến có 5.786 giáo viên Tiểu học, 4.100 THCS, 1.454 THPT.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên theo hướng phát triển toàn diện nhằm triển khai, thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới theo lộ trình đề ra. Trong đó, tập trung nâng cao phẩm chất chính trị, rèn luyện đạo đức tác phong nhà giáo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn nghiệp vụ và khả năng hợp tác trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục - đào tạo.

- Tổ chức bồi dưỡng ngắn hạn cho một bộ phận nhà giáo có đủ phẩm chất, năng lực để tạm thời giao trách nhiệm đối với môn học tích hợp, môn học mới trong chương trình giáo dục phổ thông, đồng thời liên kết thực hiện đào tạo văn bằng 2 đối với môn học thiếu nguồn nhân lực để tuyển, môn học tích hợp, môn học mới. Cụ thể:

+ Môn học thiếu nguồn nhân lực để tuyển: Tin học, Ngoại ngữ (Tiểu học, THCS, THPT).

+ Môn học mới: Khoa học tự nhiên (THCS), Lịch sử và Địa lý (THCS), Giáo dục kinh tế và pháp luật, Âm nhạc, Mỹ thuật (THPT); nội dung giáo dục địa phương (Tiểu học, THCS, THPT); Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (Tiểu học, THCS, THPT).

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách của địa phương đã ban hành; đề xuất xây dựng các cơ chế chính sách mới nhằm hỗ trợ đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên chất lượng cao; thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong nước, nước ngoài đến công tác, làm việc trong ngành; chính sách đặc thù để tuyển dụng, hỗ trợ cho giáo viên giảng dạy các môn Tin học, Ngoại ngữ.

2.3. Tập huấn triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông:

- Triển khai tập huấn 3 cấp (cấp Bộ, cấp tỉnh và cấp huyện) theo lộ trình triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới đã xây dựng.

- Xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán môn học các cấp làm nòng cốt trong công tác bồi dưỡng giáo viên và triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới để tham gia bồi dưỡng theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo và triển khai tập huấn, bồi dưỡng đại trà tại địa phương theo hình thức tập trung kết hợp với hình thức trực tuyến, đảm bảo 100% giáo viên được phân công dạy chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới hoàn thành chương trình bồi dưỡng trước thời điểm triển khai áp dụng ở từng lớp theo lộ trình.

2.4. Biên soạn tài liệu nội dung giáo dục địa phương:

- Xây dựng khung chương trình giáo dục địa phương; lựa chọn nội dung, thành lập các ban biên soạn, thẩm định tài liệu giáo dục địa phương của tỉnh Lào Cai cho từng khối lớp cấp Tiểu học, THCS và THPT.

- Thẩm định, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt theo thẩm quyền đảm bảo lộ trình triển khai đã xây dựng.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cán bộ quản lý, giáo viên về nội dung, hình thức, phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực thực hiện nội dung giáo dục địa phương.

- Phối hợp dự án "Giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất, giai đoạn 2" tổ chức biên soạn, tổ chức thực hiện tài liệu giáo dục địa phương cấp THCS.

2.5. Đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa:

Tập trung các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp học, sách giáo khoa đảm bảo lộ trình triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông:

2.5.1. Giai đoạn 2017-2020:

Đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp học thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ đã được UBND tỉnh ban hành tại Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 21/3/2019 về thực hiện đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Cụ thể:

- Xây dựng 714 phòng học, 148 nhà ăn, bếp cho các trường có học sinh bán trú, 407 bộ thiết bị hạ tầng công nghệ thông tin...

- Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học cho các cấp học: 7.427 bộ (thiết bị dạy học tối thiểu các cấp học theo chương trình; bộ bàn ghế học sinh hai chỗ ngồi; máy tính; thiết bị phòng học ngoại ngữ...).

2.5.2. Giai đoạn 2021-2025:

- Về phòng học bộ môn: Khai thác tối đa các phòng học bộ môn hiện có; từng bước đầu tư phòng học bộ môn đảm bảo tiêu chuẩn (tập trung đầu tư 1.218 phòng học bộ môn và bổ sung cơ sở vật chất trường, lớp để thực hiện kế hoạch).

- Về thiết bị dạy học: Căn cứ quy mô phát triển giáo dục, trên cơ hướng dẫn Bộ Giáo dục và Đào tạo, tiếp tục rà soát, thống kê, xác định nhu cầu đầu tư, phê duyệt danh mục đầu tư và cơ chế huy động vốn bảo đảm đủ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục rà soát, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin để ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý, điều hành và dạy - học.

2.6. Công tác truyền thông:

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ, chính quyền các cấp trong việc chuẩn bị các điều kiện cho triển khai chương chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

- Xây dựng kế hoạch truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng về chương trình giáo dục phổ thông mới và lộ trình triển khai để tạo sự đồng thuận cao trong xã hội.

- Tuyên truyền trong ngành Giáo dục và Đào tạo để tạo sự thống nhất, quyết tâm trong tổ chức triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo lộ trình thực hiện.

3. Giải pháp:

8. Các sở, ngành, đoàn thể liên quan:

Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với cơ quan chủ trì triển khai thực hiện nội dung kế hoạch.

9. UBND các huyện, thành phố:

- Căn cứ kế hoạch được phê duyệt, chỉ đạo ngành giáo dục và đào tạo, các cơ quan chức năng ở địa phương xây dựng kế hoạch đảm bảo các điều kiện (cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đội ngũ...), tổ chức triển khai thực hiện theo phân cấp quản lý đảm bảo kế hoạch, tiến độ theo lộ trình.

- Hằng năm xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí cùng với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện kế hoạch.

- Bố trí ngân sách cấp huyện và thực hiện lồng ghép các nguồn vốn, chương trình mục tiêu, xã hội hóa, trong đó, tập trung ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo để thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới đảm bảo quy định, hiệu quả.

- Tuyên truyền, vận động các tổ chức đoàn thể, các tổ chức xã hội, vận động nhân dân huy động các nguồn lực để phát triển sự nghiệp giáo dục.

- Thực hiện báo cáo định kỳ hàng tháng kết quả thực hiện gửi UBND tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo).

Căn cứ nội dung trên, các sở, ngành, đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, PCVP2;
- Lưu: VT, TH(1,2), VX1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đặng Xuân Phong

Biểu 1a

QUY MÔ TRƯỜNG, LỚP CẤP TIỂU HỌC, GIAI ĐOẠN 2018-2020

(Kèm theo kế hoạch số 2233/KH-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Huyện, TP	Năm học 2018-2019							Năm học 2019-2020						
		Tổng số trường	Tổng số lớp	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Tổng số trường	Tổng số lớp	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1	Bắc Hà	27	400	104	96	78	64	58	25	391	96	102	73	60	60
2	Bảo Thắng	31	489	118	102	103	83	83	31	487	109	120	105	78	75
3	Bảo Yên	31	455	106	97	89	87	76	31	432	98	104	83	73	74
4	Bát Xát	26	488	118	123	107	72	68	26	480	120	118	100	70	72
5	Lào Cai	21	384	88	79	73	73	71	21	378	82	88	72	69	67
6	Mường Khương	21	404	101	94	88	60	61	21	405	95	102	83	62	63
7	Sa Pa	24	416	85	103	87	75	66	24	395	87	109	85	58	56
8	Si Ma Cai	15	259	67	59	53	41	39	14	246	61	65	47	36	37
9	Văn Bàn	29	436	107	87	88	77	77	29	439	105	99	80	81	74
Cộng toàn tỉnh		**225**	**3.731**	**894**	**840**	**766**	**632**	**599**	**222**	**3.653**	**853**	**907**	**728**	**587**	**578**

Biểu 1b

QUY MÔ TRƯỜNG, LỚP CẤP THCS, GIAI ĐOẠN 2018-2020

(Kèm theo kế hoạch số 1733 /KH-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Huyện, TP	Năm học 2018-2019						Năm học 2019-2020						Ghi chú
		Tổng số trường	Tổng số lớp	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Tổng số trường	Tổng số lớp	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	
1	Bắc Hà	22	153	40	41	39	33	22	159	42	39	40	38	
2	Bảo Thắng	22	209	54	55	51	49	22	206	53	53	52	48	
3	Bảo Yên	25	182	46	48	45	43	25	181	48	45	47	41	
4	Bát Xát	24	186	48	49	45	44	24	190	48	48	49	45	
5	Lào Cai	19	225	61	56	56	52	19	229	59	61	56	53	
6	Mường Khương	19	151	38	39	37	37	19	152	38	38	39	37	
7	Sa Pa	20	163	46	41	41	35	20	167	45	44	38	40	
8	Si Ma Cai	13	105	26	27	26	26	13	103	25	25	27	26	
9	Văn Bàn	24	193	46	50	48	49	24	196	52	47	50	47	
Cộng toàn tỉnh		**188**	**1.567**	**405**	**406**	**388**	**368**	**188**	**1.583**	**410**	**400**	**398**	**375**	

Biểu 1b'

QUY MÔ TRƯỜNG, LỚP CẤP THCS - KHỐI CÁC TRƯỜNG THCS&THPT, GIAI ĐOẠN 2018-2020

(Kèm theo kế hoạch số 1133 /KH-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Huyện, TP	Năm học 2018-2019					Năm học 2019-2020					Ghi chú
		Tổng số lớp/HS	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Tổng số lớp/HS	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	
1	PTDTNT THCS & THPT Mương Khương	8	2	2	2	2	8	2	2	2	2	
2	PTDTNT THCS&THPT Bắc Hà	8	2	2	2	2	8	2	2	2	2	
3	PTDTNT THCS&THPT Bảo Thắng	8	2	2	2	2	8	2	2	2	2	
4	PTDTNT THCS&THPT Bảo Yên	8	2	2	2	2	8	2	2	2	2	
5	PTDTNT THCS&THPT Bát Xát	8	2	2	2	2	8	2	2	2	2	
6	PTDTNT THCS&THPT Sa Pa	8	2	2	2	2	8	2	2	2	2	
7	PTDTNT THCS&THPT Si Ma Cai	8	2	2	2	2	8	2	2	2	2	
8	PTDTNT THCS&THPT Văn Bàn	8	2	2	2	2	8	2	2	2	2	
9	THCS&THPT Bát Xát	4	1	1	1	1	4	1	1	1	1	
Cộng toàn tỉnh		**68**	**17**	**17**	**17**	**17**	**68**	**17**	**17**	**17**	**17**	

Biểu 2a

THỐNG KÊ QUY MÔ TRƯỜNG LỚP CẤP TIỂU HỌC, GIAI ĐOẠN 2020-2025

(Kèm theo kế hoạch số 233 /KH-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Năm học	Tổng số trường có cấp Tiểu học	Số lớp												Ghi chú
			Tổng số lớp		Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		
			Trường chính	Điểm lẻ	Trường chính	Điểm lẻ	Trường chính	Điểm lẻ	Trường chính	Điểm lẻ	Trường chính	Điểm lẻ	Trường chính	Điểm lẻ	
1	2020-2021	225	2.670	1.235	558	450	425	431	610	167	587	95	490	92	
2	2021-2022	224	2.729	1.218	549	438	431	432	565	153	639	105	545	90	
3	2022-2023	224	2.771	1.170	532	427	443	422	591	118	602	103	603	100	
4	2023-2024	224	2.738	1.135	547	413	421	407	598	113	610	103	562	99	
5	2024-2025	224	2.718	1.091	561	380	434	405	584	108	587	98	552	100	

Biểu 2b

THỐNG KÊ QUY MÔ TRƯỜNG, LỚP CẤP THCS - KHỐI CÁC TRƯỜNG THCS&THPT, GIAI ĐOẠN 2020-2025

(Kèm theo kế hoạch số 233 /KH-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Năm học	Tổng số trường có cấp THCS	Số lớp					Ghi chú
			Tổng số	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	
1	2020-2021	188	1.645	440	407	402	396	
2	2021-2022	188	1.687	445	433	408	401	
3	2022-2023	188	1.730	448	443	432	407	
4	2023-2024	188	1.803	482	447	443	431	
5	2024-2025	188	1.828	457	481	447	443	

Biểu 2b'

THỐNG KÊ QUY MÔ TRƯỜNG, LỚP CẤP THCS - KHỐI CÁC TRƯỜNG THCS&THPT, GIAI ĐOẠN 2020-2025

(Kèm theo kế hoạch số 1233 /KH-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Năm học	Tổng số trường có cấp THCS	Số lớp					Ghi chú
			Tổng số	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	
1	2020-2021	9	68	17	17	17	17	
2	2021-2022	9	68	17	17	17	17	
3	2022-2023	9	68	17	17	17	17	
4	2023-2024	9	68	17	17	17	17	
5	2024-2025	9	68	17	17	17	17	

Biểu 3c

THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐỘI NGŨ CBQL, GIÁO VIÊN CẤP THPT

(Kèm theo kế hoạch số 234/KH-UBND ngày 22/6/2010 của UBND tỉnh Lào Cai)

Biểu 4a

TỔNG HỢP NHU CẦU ĐÀO TẠO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDPT MỚI, GIAI ĐOẠN 2019-2025

[illegible]

4.2	THCS	50	60	60	60	60	60	60
4.3	THPT	25	30	30	30	30	30	25
II	Đào tạo trình độ lý luận chính trị							
1	Mầm non	80	85	85	85	85	75	75
2	Tiểu học	80	75	75	72	70	70	70
3	THCS	80	75	75	73	70	70	70
4	THPT	40	35	20	15	15	15	15

Biểu 5

TỔNG HỢP NHU CẦU ĐẦU TƯ PHÒNG HỌC, PHÒNG HỌC BỘ MÔN VÀ PHÒNG CHỨC NĂNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDPT MỚI

(Kèm theo kế hoạch số 953 /KH-UBND ngày 27/8/2019 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Danh mục	Số phòng hiện có	Số phòng cần đầu tư	Ghi chú
I	Cấp tiểu học			